Name: ……

Class: S6

Tel: 034.200.9294

Ngày GV giao bài: Thứ ….., ngày …../…..

Ngày HS nộp bài: Thứ ….., ngày …../…..

Vocab + Gram: ……..

Listening: …..……

Mini Test: ……...

GLOBAL ENGLISH 6

UNIT 4: INVENTIONS – VOCABULARY 2 & PET SPEAKING

❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.

❖ **Lưu ý 2**: Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.

A. VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**thrilled at** (adj)	phấn khích về một điều gì đó	9	**creative** (adj)	sáng tạo
2	**genius** (n)	thiên tài	10	**run a competition**	tổ chức một cuộc thi
3	**stride** (v)	sải bước	11	**display** (v)	trưng bày
4	**invention** (n)	sự phát minh/ sáng chế	12	**gasp in amazement** (v)	thở gấp vì ngạc nhiên
5	**device** (n)	thiết bị	13	**laugh at** (phr.v)	cười nhạo
6	**nasty** (adj)	xấu xa	14	**turn into** (phr.v)	biến thành
7	**out of sight**	khuất khỏi tầm nhìn	15	**think of / about** (phr.v)	suy nghĩ về ai/ điều gì
8	**hostile** (adj)	thù địch	16	**sum up** (phr.v)	tóm tắt, tổng kết

Extra vocabulary

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**express service** (n.phr)	dịch vụ chuyển phát nhanh	5	**military** (n)	quân đội
2	**traffic jam** (n)	tắc đường	6	**announce** (v)	công bố
3	**harbour** (n)	bến cảng	7	**aggressive** (adj)	hung hăng
4	**prospect** (n)	viễn cảnh	8	**rival** (n)	đối thủ

❖ **Note :** n = noun: danh từ, adj = adjective: tính từ,
v = verb: động từ, phr. v = phrasal verb: cụm động từ
n. phr = noun phrase: cụm danh từ

❖ **Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.**

LIVEWORKSHEETS

B. HOMEWORK

Exercise 1: Put the letters in brackets into the correct order to complete the sentences

0. You can't ***___solve___*** ***(E S V O L)*** *anything by just running away.*

1. I can't go into work looking like this. Everyone will _____ **(L U H G A)** at me.
2. They use _____ **(C E V E A T I R)** ways to market their services to customers.
3. Can I just _____ **(S M U)** up what we've agreed so far?
4. He's not exactly _____ **(L H R I T D L E)** at the prospect of working for his old rival.
5. This _____ **(E C E D I V)** allows deaf people to communicate by typing messages instead of speaking.

Exercise 2: Circle the correct answer

0. Let's take the kids to the science _____.

(A) *fair* *B. comfort* *C. satellite*

1. John turned to look back, but by then Rosie was _____ sight.
   A. off B. out of C. think of
2. He was extremely _____ towards her. He's so rude!
   A. friendly B. stride C. hostile
3. Ralph _____ in amazement as they announced him as the winner of the competition.
   A. turned B. gasped C. strode
4. From the age of three, she showed signs of _____.
   A. genius B. device C. invention
5. Don't be so _____ to your brother – he's four years younger than you!
   A. ordinary B. nasty C. laugh at

Exercise 3: Complete the words/ phrases using the clues given

0.	*an object or a piece of equipment that has been designed to do a particular job*	*D E V I C E*
1.	aggressive or unfriendly and ready to argue or fight	H __ __ __ __ L __
2.	unusually great intelligence, skill or artistic ability	__ E __ __ U __
3.	to make somebody/ something seem stupid or not serious by making jokes about them/ it	L __ __ __ __ A __
4.	to walk with long steps in a particular direction	__ T R __ __ __
5.	become something different	T __ __ __ I __ __ O

Exercise 4: Circle the correct answer

0. The students ***laughed / cried / turned*** *at the funny story that the teacher told them.*

1. We **stroke / blasted / strode** across the snowy fields yesterday.
2. She's thinking **of / off / into** changing her job.
3. The school always wants to **walk / sum / run** a competition for students who are good at computers.
4. They all held their hands **up / in / off** when the music started.
5. This new **genius / invention / stride** has huge sales potential.

LIVEWORKSHEETS

Exercise 5: Rearrange the words/ phrases to make meaningful sentences

0. motivation / They / study. / to / lack

→ _____ ***They lack motivation to study.***_____

1. She / when she / gasped / the truth. / amazement / knew / in

→ _____

2. prisoner / looked / hostile / The / at him / silence. / in

→ _____

3. electronic device / It / an / many uses. / was / with

→ _____

4. the / displayed / They / which / the images. / looked at / computer screens

→ _____

Con làm bài nghe theo link sau:

https://drive.google.com/file/d/1YiVcP2oi86eC8MV42D-SYGoslRQu--a0/view?usp=sharing

Questions 11–15

For each question, choose the correct answer.

You will hear Dan talking to a shop assistant in a sports shop.

11 Dan thinks plastic skateboards are
- A cheap.
- B popular.
- C light.

12 What colour skateboard does Dan prefer?
- A purple
- B yellow
- C grey

13 The shop assistant says the best skateboard for Dan is about
- A 16 cm wide.
- B 18 cm wide.
- C 20 cm wide.

14 What free gift can Dan get from the shop?
- A a backpack
- B some gloves
- C a scarf

15 When will Dan buy a skateboard?
- A on Wednesday
- B on Friday
- C on Saturday

LIVEWORKSHEETS

Con làm bài nghe theo link sau:

https://drive.google.com/file/d/19RvDjgJhE5aFjtIgObmXJTkZteNXfVvQ/view?usp=sharing

PAPER 3 LISTENING

PART 1 Questions 1-7

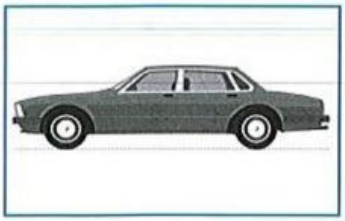
For each question, choose the correct answer.

Play audio

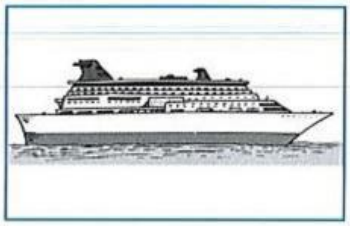
Listening Part 1 Exam Tips

- First, look at the 3 images/options carefully.
- Then, read the question.
- Now, listen to the first listening and choose the best answer. Have in mind that all 3 options are heard in the recording, but only one of them is the correct answer.
- During the second listening check that you have selected the right answer by checking the information again.

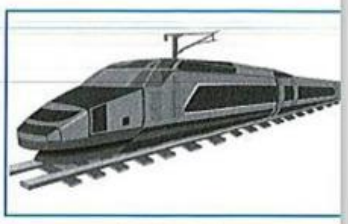
1. How did the woman travel?



A ☐



B ☐



C ☐

2. What time does the film start?



A ☐



B ☐



C ☐

3. What kind of film was it?



A ☐



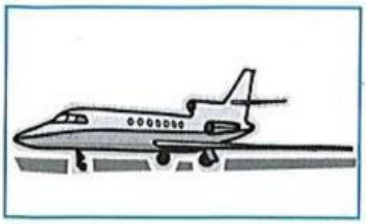
B ☐



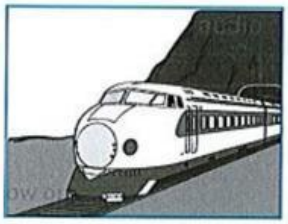
C ☐

LIVEWORKSHEETS

4. What kind of transportation is the man talking about?



A ☐

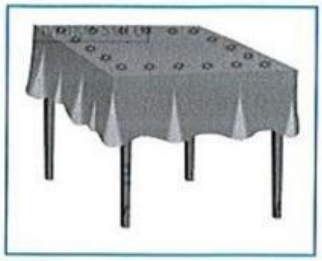


B ☐

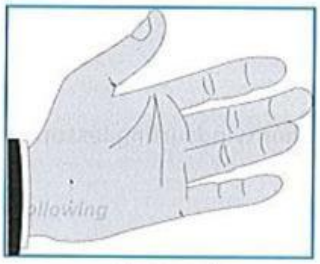


C ☐

5. Where are the boy's keys?



A ☐

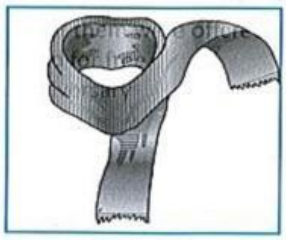


B ☐



C ☐

6. Which present is Mark going to buy?



A ☐

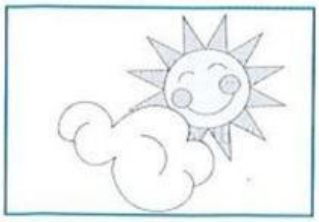


B ☐



C ☐

7. What will the weather be like tomorrow?



A ☐



B ☐



C ☐

LIVEWORKSHEETS